

## **HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ VIỆT NAM**

**Vũ Thu Hương, Trần Văn Hùng, Lê Thị Mai Hương**

*ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp*

### **TÓM TẮT**

Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, số lượng và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng, sản phẩm đã được tiêu thụ rộng rãi ở 120 quốc gia trên thế giới. Số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ đã tăng từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000 lên đến hơn 3.000 doanh nghiệp tính đến hết năm 2013. Là một trong năm ngành xuất khẩu chủ lực, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam đã tăng từ 219 triệu USD (năm 2000) lên trên 3,9 tỷ USD (năm 2011) và 4,68 tỷ USD (năm 2013), góp phần quan trọng đưa tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2013 lên mức 27,5 tỷ USD. Trong bối cảnh quốc tế mới và tác động của hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP - Trans Pacific strategic economic Partnership agreement) thì việc nhận diện những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến gỗ nhằm đề xuất một số giải pháp khuyến nghị góp phần nâng cao vị thế của ngành công nghiệp chế biến gỗ của nước ta là điều cần thiết, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường chung và thống nhất.

**Từ khóa:** *Công nghiệp, chế biến gỗ, sản phẩm gỗ, TPP.*

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã tiến đến vòng đàm phán thứ 19 vào ngày 10/12/2013 tại Singapore. TPP đang trong quá trình đàm phán khẩn trương và dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ bao gồm 12 thành viên với hơn 790 triệu dân, chiếm 40% tổng GDP và hơn 30% giá trị xuất nhập khẩu toàn cầu. Bên cạnh những lợi ích to lớn thì vẫn tồn tại những quan ngại cho ngành chế biến gỗ khi TPP chính thức đi vào hoạt động. Với vị trí là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của đất nước và những đặc thù riêng có của mình thì dự kiến ngành chế biến gỗ sẽ có nhiều cơ hội lớn nhưng đồng thời cũng phải đối mặt không ít thách thức khi Việt Nam gia nhập TPP. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu tìm hiểu những cơ hội và thách thức của ngành công nghiệp chế biến gỗ khi Việt Nam gia nhập TPP là hết sức cần thiết, góp phần nhận diện những lợi ích và những khó khăn mà TPP sẽ mang lại cho ngành chế biến gỗ.

### **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

- Nguồn số liệu: bài viết sử dụng số liệu về phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ, tình hình phân bố doanh nghiệp chế biến gỗ, tình hình

nhập khẩu nguyên liệu gỗ, xuất khẩu sản phẩm gỗ, ... của Tổng cục thống kê, Tổng Cục Hải quan, Cục chế biến lâm sản và nghề muối, Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phương pháp nghiên cứu: nhóm tác giả sử dụng phương pháp so sánh, phân tích tổng hợp nhằm đánh giá thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ và phân tích cơ hội, thách thức của ngành công nghiệp chế biến gỗ khi Việt Nam gia nhập TPP, thông qua các bảng và biểu đồ.

### **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN**

#### **3.1 Giới thiệu khái quát về TPP**

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) còn gọi là Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement) là một hiệp định thương mại tự do đa phương với mục tiêu thiết lập một mặt bằng thương mại tự do cho các nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương nhằm thúc đẩy thương mại, đầu tư và cải cách thể chế. TPP được ký kết vào ngày 3/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 28/5/2006, bao gồm 4 quốc gia: Singapore, Chile, New Zealand, Brunei. Sau đó là Mỹ (tháng 9/2008),

Austraylia, Peru (11/2008), Malaysia (11/2010), Canada (10/2012) và Nhật Bản tham gia đàm phán tháng 3/2013. Riêng Việt Nam, đã tham gia đàm phán với TPP với tư cách là thành viên vào ngày 13/11/2010. Đến thời điểm này TPP bao gồm 12 quốc gia thành viên bao gồm Singapore, Chile, New Zealand, Brunei, Austraylia, Canada, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Malaysia, Việt Nam, Peru, Mexico. Tính đến nay các quốc gia vẫn đang tiếp tục đàm phán các điều khoản của TPP với phạm vi rộng như: quyền sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn lao động, nguyên tắc đầu tư, chính sách cạnh tranh, quy tắc xuất xứ, môi trường và vai trò của doanh nghiệp nhà nước. TPP được kỳ vọng sẽ trở thành khu vực mậu dịch tự do thương mại lớn nhất thế giới, chiếm tới 40% tổng sản phẩm quốc nội toàn thế giới và lớn hơn so với Liên minh châu Âu. TPP sẽ hướng tới xóa bỏ thuế quan cũng như các rào cản thương mại khác. Các thành viên TPP sẽ dành cho nhau những ưu tiên, ưu đãi về sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ và nguồn vốn đầu tư, cùng nhau ứng phó các khó khăn mà các quốc gia đơn lẻ khó giải quyết. Tuy nhiên, TPP đang gặp phải những thách thức lớn trong việc tìm kiếm một hiệp định khu vực và giải quyết hài

hòa lợi ích giữa các quốc gia tham gia. Những khó khăn này sẽ ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập kinh tế của khu vực Châu Á Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

### 3.2 Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam

#### 3.2.1. Quy mô của ngành và sự phân bố

Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã có nhiều thay đổi sâu sắc. Số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ đã tăng từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000 lên đến hơn 3.000 doanh nghiệp tính đến hết năm 2010, tăng 1,74 lần so với năm 2005 và tăng 3,34 lần so với năm 2000. Phần lớn các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở miền Nam với hơn 80% số lượng doanh nghiệp của cả nước. Riêng vùng Đông Nam Bộ (chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương) có tới 1.796 doanh nghiệp, chiếm 59,79% tổng số doanh nghiệp của cả nước. Số doanh nghiệp chế biến gỗ của miền Bắc tuy tăng chậm hơn miền Nam nhưng cũng tăng từ 351 doanh nghiệp năm 2000 lên 591 doanh nghiệp năm 2010.

**Bảng 1. Số lượng và phân bố các doanh nghiệp chế biến gỗ giai đoạn 2000-2010**

| Vùng              | Năm 2000 |            | Năm 2005 |            | Năm 2010 |            |
|-------------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|
|                   | Số DN    | Cơ cấu (%) | Số DN    | Cơ cấu (%) | Số DN    | Cơ cấu (%) |
| <i>Cả nước</i>    | 896      | 100        | 1718     | 100        | 3004     | 100        |
| Miền Bắc          | 351      | 39,17      | 906      | 52,7       | 591      | 19,67      |
| -ĐB Sông Hồng     | 118      | 13,16      | 530      | 30,85      | 25       | 0,84       |
| -Đông Bắc         | 72       | 8,00       | 165      | 9,6        | 158      | 5,27       |
| -Tây Bắc          | 10       | 1,49       | 20       | 1,16       | 257      | 8,55       |
| -Bắc Trung Bộ     | 151      | 16,85      | 191      | 11,11      | 151      | 5,02       |
| <i>Miền Nam</i>   | 545      | 60,83      | 811      | 47,3       | 2413     | 80,33      |
| - DH Nam Trung Bộ | 124      | 13,84      | 116      | 6,75       | 222      | 7,39       |
| -Tây Nguyên       | 125      | 13,84      | 99       | 5,54       | 274      | 9,12       |
| - Đông Nam Bộ     | 254      | 28,34      | 476      | 27,7       | 1796     | 59,79      |
| -ĐB Sông Cửu Long | 42       | 4,68       | 101      | 5,87       | 121      | 4,03       |

Theo Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, năm 2013 sự phân bố của doanh nghiệp chế biến gỗ có sự thay đổi so với năm 2010. Cả

Nguồn: Tổng cục thống kê, Vifores, HAWA nước có khoảng 3.900 doanh nghiệp chế biến gỗ, trong đó tập trung ở Duyên hải miền trung và Đông Nam Bộ là 70%, miền Bắc là 30%.

Về thành phần, thời điểm năm 2000 trong các doanh nghiệp chế biến gỗ thì các doanh nghiệp nhà nước chiếm 39,6%, doanh nghiệp tư nhân chiếm 57,1 %, còn lại là doanh nghiệp liên doanh chiếm 3,3%. Đến năm 2007, doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 4,27% trong tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân chiếm 77,63% và doanh nghiệp liên doanh chiếm 18,1% (VIFORES). Cũng theo Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, năm 2013 có 95% doanh nghiệp chế biến gỗ thuộc sở hữu tư nhân còn lại 5% thuộc sở hữu nhà nước.

Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư, năm 2005 vốn đầu tư bình quân một doanh nghiệp chế biến gỗ ở miền Nam là 5.800 triệu đồng và ở miền Bắc là 3.096 triệu đồng. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư trên lao động thì vốn đầu tư/lao động bình quân của cả nước là 94,5 triệu đồng/lao động, các doanh nghiệp chế biến gỗ ở miền Nam chỉ tiêu này là 65,5 triệu đồng/lao động và ở miền Bắc là 76,1 triệu đồng.

Nguồn lao động làm việc trong các doanh nghiệp chế biến gỗ tăng lên đáng kể. Trong năm 2005 bình quân một doanh nghiệp có 63,5 lao động, đến năm 2007 là 93,3 lao động. Các doanh nghiệp có quy mô lao động lớn tập trung ở Nam Trung Bộ (205 lao động/doanh nghiệp), ở Đông Nam Bộ (111 lao động/doanh nghiệp). Với quy mô như trên thì đa số các doanh

ngiệp chế biến gỗ ở nước ta vẫn ở quy mô vừa và nhỏ. Theo Cục Chế biến, Thương mại nông lâm sản và Nghề muối cho biết, nếu tính trên mức độ sử dụng lao động thì có đến 46% tổng số doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô siêu nhỏ; 49% là quy mô nhỏ; 1,7% là quy mô vừa; 2,5% là quy mô lớn. Còn nếu xét về vốn đầu tư, có đến 93% số doanh nghiệp chế biến gỗ ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Nhiều cơ sở chế biến nhỏ và siêu nhỏ, nhất là ở các khu vực làng nghề, người lao động hầu như không được đào tạo cơ bản nên khả năng làm chủ công nghệ, thiết bị sản xuất không cao. Lực lượng lao động chế biến gỗ có trình độ đại học và cao đẳng còn ít, số công nhân kỹ thuật và công nhân lao động trực tiếp được đào tạo chuyên sâu về chế biến gỗ không nhiều. Đây cũng chính là nguyên nhân vì sao các doanh nghiệp Việt Nam không thể đưa ra những sản phẩm cao cấp để cạnh tranh với sản phẩm của các nước. Trong khi đó các doanh nghiệp chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài có tổng vốn đầu tư bình quân một doanh nghiệp là 1.317.900 USD, các doanh nghiệp này chủ yếu sản xuất sản phẩm để xuất khẩu, họ chỉ chiếm 16% trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ nhưng lại đóng góp trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của cả nước (Phan Chí Dũng, Vụ trưởng Vụ Công thương). Họ có lợi thế về kinh nghiệm sản xuất, năng lực tài chính, chủ động được thị trường đầu vào và đầu ra.

**Bảng 2. Bảng phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ theo quy mô lao động (\*)**

| Năm  | DN siêu nhỏ | DN nhỏ | DN vừa | DN lớn | DVT: % |
|------|-------------|--------|--------|--------|--------|
|      |             |        |        |        | Tổng   |
| 2000 | 32,39       | 58,57  | 3,10   | 5,94   | 100    |
| 2001 | 33,86       | 57,11  | 3,95   | 5,08   | 100    |
| 2002 | 30,71       | 60,02  | 3,71   | 5,57   | 100    |
| 2003 | 29,01       | 62,31  | 2,95   | 5,73   | 100    |
| 2004 | 30,58       | 61,64  | 2,91   | 4,87   | 100    |
| 2005 | 34,21       | 59,30  | 2,75   | 3,74   | 100    |
| 2006 | 38,83       | 55,86  | 2,46   | 2,85   | 100    |
| 2007 | 38,20       | 56,99  | 2,05   | 2,76   | 100    |
| 2008 | 43,58       | 52,81  | 1,65   | 1,97   | 100    |
| 2009 | 43,58       | 52,81  | 1,65   | 1,97   | 100    |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục thống kê)

**Chú thích:** (\*) Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 20/6/2009 của chính phủ quy định số lượng lao động trung bình hàng năm của doanh nghiệp từ 10 người trở xuống được coi là doanh nghiệp siêu nhỏ, từ 10 người đến dưới 200 lao động được coi là doanh nghiệp nhỏ, từ 200 đến 300 lao động được coi là doanh nghiệp vừa, trên 300 lao động là doanh nghiệp lớn.

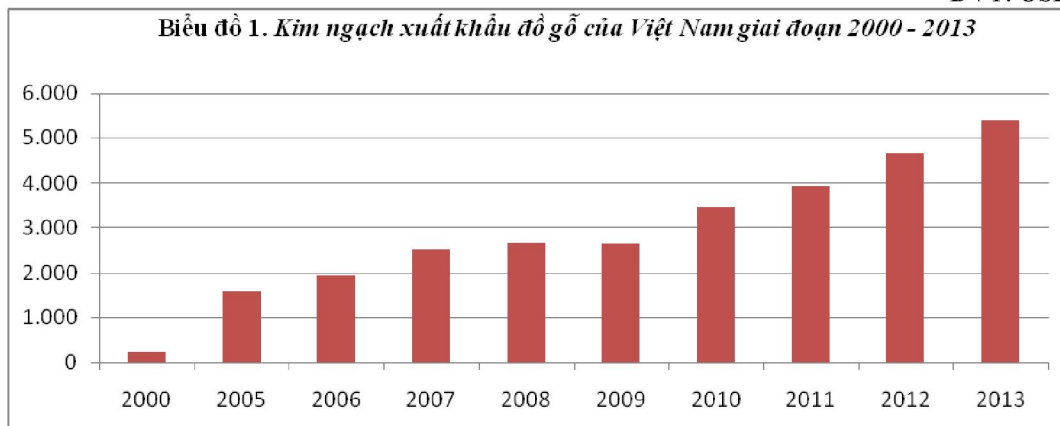
Đến năm 2013, số doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô vừa và lớn tuy có tăng nhưng chưa nhiều. Theo Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, số doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ là trên 90%, doanh nghiệp vừa là 5,5% và doanh nghiệp lớn là 2,5%.

### 3.2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm gỗ

Đồ gỗ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực lớn thứ 5 của Việt Nam sau dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ của nước ta tăng mạnh qua các năm với

mức tăng bình quân 15,2% trong vòng 10 năm qua. Sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam đang bị đánh giá là “bỏ ngổ thị trường trong nước”, 80% thị phần đồ gỗ và nội thất trong nước thuộc về các công ty đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Cụ thể, có 26 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có các cá nhân và tổ chức đầu tư vào ngành chế biến gỗ ở nước ta, trong đó Đài Loan chiếm 43,5% số doanh nghiệp, tiếp đến là Hàn Quốc, Anh, Nhật Bản...

ĐVT: USD



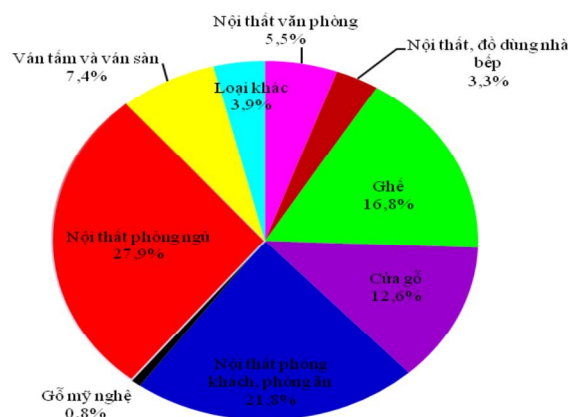
(Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê, Tổng cục hải quan)

Nhu cầu sử dụng sản phẩm đồ gỗ trên thế giới là rất lớn, Việt Nam chỉ đáp ứng 1,6% thị phần của thế giới (khoảng 300 tỷ USD). Các doanh nghiệp trong nước phần lớn có năng suất thấp nên chỉ nhận những đơn hàng khoảng từ 40-50 container/tháng. Còn những đơn hàng từ hơn 100 container/tháng thì nằm trong tay các doanh nghiệp FDI. Những doanh nghiệp đạt kim ngạch cao đều là những công ty có vốn đầu tư nước ngoài như công ty Cty TNHH Scancom Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu đạt

41,6 triệu USD; công ty TNHH Green River Wood & Lumber (Việt Nam) kim ngạch xuất khẩu được 40,8 triệu USD... 20 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt kim ngạch cao nhất năm 2013 chiếm 26,8% tổng kim ngạch, đạt 510,22 triệu USD.

Về cơ cấu mặt hàng gỗ xuất khẩu, đồ gỗ ngoại thất chiếm tỷ trọng hơn 72% trong cơ cấu sản phẩm gỗ xuất khẩu, dăm và thanh gỗ làm nhiên liệu chiếm 18% trong tổng cơ cấu sản phẩm.

Biểu đồ 2. Cơ cấu gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2010



Biểu đồ 2. Cơ cấu gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000-2010

Nguồn: Tổng cục hải quan



Theo đánh giá tại Hội thảo “Tháo gỡ khó khăn cho ngành chế biến gỗ giai đoạn suy thoái” tháng 9/2012, thị trường xuất khẩu gỗ của Việt Nam không ngừng được mở rộng, năm 2003 sản phẩm gỗ của nước ta chỉ xuất khẩu đi 6 nước trên thế giới thì nay đã có mặt ở 120 quốc gia, trong đó 3 thị trường chính là Hoa Kỳ (chiếm 38 – 44%), EU (chiếm 28 – 30%), Nhật Bản (12 – 15%).

### 3.2.3. Tình hình nguồn nguyên liệu

Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển mạnh mẽ dẫn đến nhu cầu sử dụng nguyên liệu gỗ cho chế biến tăng cao. Theo Bộ NN&PTNT (2012), Quy mô chế biến đã tăng từ 3 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu/năm (năm 2005) lên khoảng trên 15 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm (năm 2012). Ngành chế biến gỗ của Việt Nam sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ được khai thác ở trong nước và nhập khẩu từ nước

ngoài. Nguồn gỗ trong nước chủ yếu được khai thác từ rừng tự nhiên, còn gỗ rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ và chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn kỹ thuật do các đối tác lớn đề ra. Trước năm 2000, sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên của Việt Nam đạt trung bình 1,8 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm, chiếm khoảng 70% tổng lượng nhu cầu gỗ cho chế biến. Đến năm 2003 lượng gỗ khai thác này chỉ còn 0,5 triệu m<sup>3</sup>/năm, năm 2004 là 0,3 triệu m<sup>3</sup>/năm, năm 2005 là 0,18 triệu m<sup>3</sup>/năm và năm 2008 là 0,15 triệu m<sup>3</sup>/năm....Theo ông Nguyễn Tôn Quyền (Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam), mỗi năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 3 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu, giá trị kim ngạch khoảng 1 tỷ USD từ các nước trong khu vực ASEAN, châu Phi, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, châu Đại Dương. Ngành chế biến gỗ hiện phụ thuộc tới 80% vào nguồn nguyên liệu nước ngoài.

**Bảng 3. Tình hình nhập khẩu và khai thác gỗ nguyên liệu giai đoạn 2000 - 2013**

| Năm                                                      | 2000    | 2005    | 2006    | 2007    | 2008    | 2009    | 2010    | 2011  | 2012  | 2013  |
|----------------------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-------|-------|-------|
| Kim ngạch NK gỗ nguyên liệu (triệu USD)                  | 78      | 667     | 760     | 1.022   | 1.095   | 1.134   | 1.151,7 | 1.300 | 1.256 | 1.459 |
| Sản lượng gỗ khai thác trong nước (1.000m <sup>3</sup> ) | 2.375,6 | 2.996,4 | 3.128,5 | 3.461,8 | 3.552,9 | 3.766,7 | 4.607,3 | 4.692 | 5.251 | 5.608 |
| *                                                        |         |         |         |         |         |         |         |       |       |       |

Chú thích: \* Sản lượng gỗ khai thác bao gồm gỗ rừng tự nhiên và gỗ rừng trồng.

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Nguyên liệu gỗ nhập khẩu tăng qua các năm do có nhiều doanh nghiệp tham gia vào ngành chế biến gỗ. Giá nguyên liệu gỗ nhập khẩu thường biến động theo hướng tăng giá và việc nhập nguyên liệu gỗ sẽ rất dễ bị động và gặp nhiều khó khăn như: nhiều nước thay đổi chính sách nên cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu; việc xác định chất lượng gỗ, tuổi gỗ phải thông qua cơ quan có chức năng xác nhận; thiếu thông về nguyên liệu, đối tác, thương mại v.v. Nhu cầu nguyên liệu ngày càng gia tăng trong khi nguồn cung trong nước là rất thấp nên đây cũng là một thách thức lớn đối với ngành chế biến gỗ.

Nhìn chung ngành chế biến gỗ chiếm vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp chế biến của nước ta, là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực và giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng đều qua các năm, sản phẩm đã có uy tín chất lượng và được tiêu thụ trên toàn thế giới, đóng góp vào sự phát triển của ngành lâm nghiệp và thu nhập quốc dân. Tuy nhiên, quy mô và năng lực của ngành vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

### 3.3 Cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ khi Việt Nam tham gia TPP

### 3.3.1. Mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 2728/QĐ-NN-CB ngày 31/10/2012 đã mở ra một định hướng mới trong việc khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam trong tương lai.

Mục tiêu tổng quát của quy hoạch là “Xây dựng công nghiệp chế biến gỗ thành ngành sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ

từ sản xuất, cung ứng nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; có khả năng cạnh tranh cao để chủ động xâm nhập thị trường quốc tế; tăng kim ngạch xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa; đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế nhằm đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường”. Trong đó, các mục tiêu cụ thể cần đạt trong từng giai đoạn thể hiện trong bảng 5.

**Bảng 4. Quy hoạch giá trị xuất khẩu gỗ và giá trị sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa**

| Giai đoạn   | Xuất khẩu        |                                  | Tiêu thụ nội địa  |                                  |
|-------------|------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------------|
|             | Giá trị (Tỷ USD) | Tốc độ tăng trưởng bình quân (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tốc độ tăng trưởng bình quân (%) |
| 2011 - 2015 | 5                | 8                                | 72,6              | 9,4                              |
| 2016-2020   | 8                | 9                                | 108,7             | 6                                |
| 2021-2030   | 12,22            | 6                                | 142,3             | 5,5                              |

(Nguồn: Bộ NN&PTNT)

Ngoài ra, quy hoạch còn nêu “Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nội thất xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đồng thời tăng cường sản xuất ván nhân tạo để sản xuất đồ gỗ, nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu gỗ khai thác trong nước. Tạo công ăn, việc làm cho 800.000 người vào năm 2020 và 1.200.000 người vào

năm 2030”. Theo đó, ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam sẽ đẩy mạnh sản xuất ván nhân tạo các loại, đồ gỗ, nhất là đồ gỗ nội thất, đồng thời hạn chế dần, tiến tới ngừng sản xuất và xuất khẩu mặt hàng dăm mảnh vào sau năm 2020” (bảng 6).

**Bảng 5. Quy hoạch các sản phẩm cơ bản của ngành chế biến gỗ**

| TT | Sản phẩm                   | Đơn vị tính                 | Giai đoạn 2011 - 2015 | Giai đoạn 2016 - 2020 | Giai đoạn 2021 - 2030 |
|----|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1  | Ván dăm                    | m <sup>3</sup> SP/năm       | 100.000               | 100.000               | 100.000               |
| 2  | Ván sợi                    | m <sup>3</sup> SP/năm       | 1.200.000             | 1.600.000             | 1.800.000             |
| 3  | Gỗ ghép thanh              | m <sup>3</sup> SP/năm       | 800.000               | 1.000.000             | 1.500.000             |
| 4  | Các loại ván nhân tạo khác | m <sup>3</sup> SP/năm       | 200.000               | 300.000               | 500.000               |
| 5  | Đồ gỗ                      | Triệu m <sup>3</sup> SP/năm |                       |                       |                       |
|    | - Đồ gỗ nội địa            |                             |                       | 2,8                   | 4,0                   |
|    | - Đồ gỗ xuất khẩu          |                             |                       | 5,0                   | 7,0                   |

Nguồn: Bộ NN&PTNT

Để đạt được mục tiêu trên, cùng với việc xây dựng quy hoạch cụ thể cho các vùng sản xuất lâm nghiệp, Quy hoạch cũng đề ra 4 định hướng lớn và 4 giải pháp cơ bản. Đó là các định hướng và giải pháp về nguyên liệu, về thể chế chính sách, về thị trường và về môi trường, phát triển bền vững.

### 3.3.2. Cơ hội và thách thức

#### a. Cơ hội

Thứ nhất, khi Việt Nam gia nhập TPP, các doanh nghiệp chế biến gỗ sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường rộng lớn và phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Austraylia, Malaysia. Hiện nay xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ chiếm 20% và Nhật Bản chiếm 25% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ. Các doanh nghiệp chế biến

gỗ sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan với mức thuế suất bằng 0%, tạo điều kiện cho ngành gia tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm trong khu vực và trên thế giới.

*Thứ hai*, khi Việt Nam trở thành thành viên trong Hiệp định TPP sẽ có tác động tích cực đối với các hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và các đối tác khác. Điều này sẽ làm gia tăng các dòng vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là các dòng vốn từ các quốc gia ký hiệp định song phương với Việt Nam để được hưởng các điều kiện ưu đãi thuế quan. So với các thành viên và quốc gia đang đàm phán để trở thành thành viên thì Việt Nam là một trong các quốc gia có các hiệp định đầu tư song phương hoặc mậu dịch tự do lớn thứ hai trong 12 quốc gia với 42 hiệp định. Điều này giúp cho các doanh nghiệp chế biến gỗ có điều kiện liên doanh, liên kết, tham gia vào chuỗi sản xuất của khu vực và thế giới, tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các nước, tiếp thu khoa học công nghệ, máy móc thiết bị, quy trình sản xuất chế biến sản phẩm hiện đại.

*Thứ ba*, khi tham gia TPP hàng hóa của Việt Nam có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản... là những quốc gia có quy mô kinh tế hàng đầu thế giới, chiếm lần lượt 56,91% và 21,64% GDP trong tổng các quốc gia thành viên trong Hiệp định TPP. Theo tính toán, khi tham gia vào TPP, Việt Nam sẽ gia tăng nhanh chóng hoạt động thương mại với Hoa Kỳ, đặc biệt là có nhiều điều kiện để xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam vào thị trường này nhất là mặt hàng sản phẩm gỗ chế biến.

*Thứ tư*, trong điều kiện Việt Nam đang hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường thì việc tham gia vào Hiệp định TPP sẽ là cơ hội quan trọng để các doanh nghiệp chế biến gỗ cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch và cạnh tranh, tái cơ cấu bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp nhằm tạo năng lực sản xuất mới và tạo việc làm cho người lao động.

#### *b. Thách thức*

Bên cạnh những cơ hội thì khi Việt Nam tham gia TPP, các doanh nghiệp chế biến gỗ sẽ gặp những thách thức sau:

*Thứ nhất*, TPP là một thị trường chung và một khu vực sản xuất thống nhất, không còn rào cản hàng hóa, thương mại, dịch vụ. Do đó,

thách thức lớn nhất chính là sự chênh lệch khoảng cách phát triển giữa các nước, giữa các doanh nghiệp trong khu vực về trình độ sản xuất hàng đồ gỗ chế biến, sự khác biệt về thể chế và quản trị doanh nghiệp.

Thứ hai, cam kết giảm thuế nhập khẩu ngay đối với phần lớn các nhóm hàng từ các nước đối tác TPP sẽ càng làm gia tăng gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Nếu không có chính sách phát triển trồng rừng và tăng năng suất rừng trồng sẽ làm cho gỗ nguyên liệu trong nước giảm thị phần, ngành chế biến gỗ phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài.

Thứ ba, Việt Nam phải đối mặt bất lợi về xuất xứ hàng hóa do yêu cầu xuất xứ “nội khối TPP” mới được ưu đãi. Trong khi đó Việt Nam nhập chủ yếu các nguyên liệu từ Indonesia, Nam Phi, Lào là các nước ngoài khối. Để được hưởng ưu đãi thuế quan 0% trong TPP, Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về xuất xứ trong TPP. Theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa được đề xuất, các sản phẩm xuất khẩu trong các nước thành viên phải có xuất xứ nội khối TPP mới được hưởng ưu đãi. Đây là một bất lợi cho các doanh nghiệp chế biến gỗ vì gần 80% nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ các nước bên ngoài TPP để gia công hàng xuất khẩu.

Thứ tư, khả năng thuế chống bán phá giá và trợ giá sẽ bị áp dụng cho hàng Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm thủy sản.

Thứ năm, khả năng hàng rào kỹ thuật và vệ sinh dịch tễ sẽ ngày càng cao. Đàm phán không đề cập hạn chế ban hành hàng rào kỹ thuật. Ngược lại Việt Nam phải mở cửa trong khi chưa có hàng rào kỹ thuật.

Thứ sáu, Mỹ (thành viên chủ chốt) vẫn coi Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường làm giảm lợi ích của Việt Nam.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

Các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam phân bố không đều, quy mô chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, nguồn nguyên liệu còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài nhưng năm 2014 Việt Nam đã trở thành nước đứng đầu về xuất khẩu đồ gỗ Đông Nam Á, lọt vào top 10 nước xuất khẩu đồ gỗ hàng đầu thế giới. Điều đó chứng tỏ chất lượng sản phẩm gỗ và đồ gỗ của Việt Nam đã có chỗ đứng trên thị trường quốc tế, đây là thế mạnh. Tham gia TPP, Việt Nam có nhiều cơ hội nhưng cũng là thách thức

không nhỏ đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam vì sự chênh lệch về trình độ sản xuất, sự khác biệt về thể chế và khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ.

Để ngành chế biến gỗ của Việt Nam phát triển bền vững thì vấn đề nan giải là ổn định nguồn nguyên liệu, thay đổi tư duy, tái cơ cấu doanh nghiệp, chuẩn bị những phương án ứng phó với những thách thức mà TPP mang lại. Chính phủ và bản thân các doanh nghiệp phải chủ động cải cách những vấn đề còn tồn tại và có những bước đi phù hợp để sẵn sàng tham gia vào một thị trường chung, thống nhất.

#### *Đối với Chính phủ*

TPP đòi hỏi các đối tác tham gia phải tạo một môi trường bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Do đó, Chính phủ cần nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế với khung khổ pháp lý, chế tài thực thi, cải thiện môi trường kinh doanh, tái cấu trúc nền kinh tế để đáp ứng cam kết TPP đồng thời cũng là để khôi phục lòng tin với nhà đầu tư, với thị trường và với xã hội.

Chính phủ cần nhanh chóng cung cấp thông tin về TPP, về các cam kết và các tiêu chuẩn, yêu cầu mà TPP đặt ra cho các doanh nghiệp và những lợi ích mà các doanh nghiệp có được nhất là các doanh nghiệp chế biến gỗ để họ có sự chuẩn bị và có các phương án đáp ứng yêu cầu hội nhập TPP cũng như tranh thủ cơ hội để gia tăng sản xuất và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Chính phủ cần có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến gỗ như chính sách tín dụng hỗ trợ hoạt động sản xuất và thương mại, chính sách miễn giảm thuế, khuyến khích sản xuất sản phẩm mới, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,... giúp các doanh nghiệp gia tăng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

*Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, Ngành nhanh chóng triển khai đề án Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 nhằm đạt mục tiêu xây dựng ngành công nghiệp chế biến gỗ thành ngành sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ từ sản xuất đến tiêu dùng. Qua đó,*

Chính phủ cần có những chính sách quy hoạch xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu trong nước đáp ứng yêu cầu về nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến gỗ được chủ động.

#### *Đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ*

Thứ nhất, khi Việt Nam gia nhập TPP, các doanh nghiệp chế biến gỗ cần có sự chuẩn bị sẵn sàng hội nhập, phải nắm được các nội dung cam kết, các yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp chế biến gỗ nói riêng để từ đó có sự chuẩn bị, nâng cao năng lực của doanh nghiệp đáp ứng những yêu cầu của TPP đặt ra.

Thứ hai, các doanh nghiệp chế biến gỗ cần nâng cao năng lực cạnh tranh, tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới quản lý, đổi mới thiết bị công nghệ dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất từ khâu nguyên liệu, thiết kế sản phẩm đến hoạt động phân phối sản phẩm.

Thứ ba, các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam cần chủ động thay đổi tư duy sản xuất từ mô hình sản xuất gia công sang mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả cao như: mô hình ODM-tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm, mô hình OBM – phát triển thương hiệu riêng.

Thứ tư, các doanh nghiệp chế biến gỗ cần liên kết, trao đổi thông tin và đối thoại về công nghệ, kỹ năng lao động và thông tin hữu ích, cùng tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng, liên kết trong nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới và tiêu thụ sản phẩm không chỉ là sự liên kết giữa một sân chơi chung mà phải trên cơ sở các lợi thế, tiềm năng, năng lực của doanh nghiệp. Đồng thời các doanh nghiệp cần tránh hiện tượng cạnh tranh thiếu lành mạnh, ép giá nguyên liệu, tranh giành hợp đồng gây tổn thất cho các doanh nghiệp khác.

Thứ năm, các doanh nghiệp chế biến gỗ cần xây dựng thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường trong nước bằng nhiều hình thức như quảng bá thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, chú



trọng khâu phân phối sản phẩm, tăng cường liên kết cầu nối với người tiêu dùng trong nước vì đây là một thị trường to lớn mà các doanh nghiệp chưa tận dụng khai thác triệt để.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012). *Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*. Quyết định số 2728/QĐ-NN-CB ngày 31/10/2012.
2. Trần Văn Thắng, Mai Văn Nam và Khuru Thị Phương Đông (2011). *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam*. Tạp chí Quản lý kinh tế số 38, tháng 2/2011.
3. Phan Ánh Hà (2009). *Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam và giải pháp ứng phó với*

*sự thay đổi của thị trường gỗ thế giới*. Tạp chí kinh tế phát triển số 224, tháng 6/2009.

4. Nguyễn Thị Diệu Hiền (2014). *Hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương và tác động tới Cộng đồng kinh tế ASEAN*. Hội thảo Bối cảnh quốc tế mới và tác động tới cộng đồng kinh tế ASEAN, tháng 5/2014.

5. Hoàng Quang Phòng (2008). *Nâng cao năng lực của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập*. Chương trình hội thảo quốc gia “Cơ hội và thách thức ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam sau khi gia nhập WTO”, ngày 26 tháng 02 năm 2008.

6. Trung tâm hỗ trợ hội nhập WTO (2013). *Cơ hội và thách thức của doanh nghiệp khi Việt Nam tham gia hiệp định TPP*. Tháng 7/2013.

7. Website của của Tổng cục thống kê, Tổng cục Hải quan, Cục chế biến nông lâm sản, Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## **TRANS-PACIFIC STRATEGIC ECONOMIC PARTNERSHIP AGREEMENT(TPP) OPPORTUNITY AND CHALLENGE FOR VIET NAM WOODWORKING INDUSTRY**

**Vu Thu Huong, Tran Van Hung, Le Thi Mai Huong**

### **SUMMARY**

In recent years, wood industry in Viet Nam has obtained many achievements with high capacity and quality. Product has solded widely in 120 countries of the world. The number of the wood company was 1.200 in 2000 and more 3.000 in 2013. Wood industry is one of the five main force export of VietNam. Which total export reached 219 million dollars in 2000 and increased more 4.68 billion dollars in 2013. In the contex of new international and TPP impact on the development of VietNam wood industry is the identification of opportunities and challenges for VietNam wood industry to put forwar some solutions is necessary, *while VietNam is integrating widly to common market.*

**Keywords:** *Industry, woodworking, wood products, TPP.*

**Người phản biện** : TS. Nguyễn Thị Xuân Hương  
**Ngày nhận bài** : 20/6/2014  
**Ngày phản biện** : 12/7/2014  
**Ngày quyết định đăng** : 07/9/2014